

về sau mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc phát triển Dự án sẽ do Công ty CP TM DV và XD chi trả (Xem thuyết minh số V.10, V.17).

Đầu tư góp vốn kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001-12.2014/HĐHTKD-SPS ngày 01 tháng 12 năm 2014, công ty góp vốn với số tiền 500.000.000 VND cho Ông Phạm Nguyên Khôi để kinh doanh Xuất nhập khẩu, đầu tư sinh lời với tỷ lệ % lợi nhuận cố định. Khoản đầu tư này đã hết hạn hợp đồng và công ty đã trích lập dự phòng 100%.

11. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu chưa thực hiện

Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (Tổng hợp) giữa niên độ của Công ty.

20. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại cho phù hợp với bản chất nghiệp vụ theo quy định. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số đầu năm trình bày lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Tài sản	1.048.792.314.875	1.048.792.314.875	-
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.308.480.749	59.230.934.111	42.922.453.362
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.814.597.272	43.024.567.199	39.209.969.927
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	255.101.858.787	255.101.858.787
136	Phải thu ngắn hạn khác	793.286.844.574	775.949.882.945	(17.336.961.629)
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.568.837.662)	(108.177.369.189)	(82.608.531.527)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	2.288.788.920	-	(2.288.788.920)
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	42.922.453.362	-	(42.922.453.362)
212	Trả trước cho người bán dài hạn	39.209.969.927	-	(39.209.969.927)
215	Phải thu về cho vay dài hạn	235.000.000.000	-	(235.000.000.000)
216	Phải thu dài hạn khác	476.108.238	-	(476.108.238)
221	Tài sản cố định hữu hình	4.723.261.753	9.035.399.425	4.312.137.672
222	- Nguyên giá	14.361.959.628	19.370.906.428	5.008.946.800
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(9.638.697.875)	(10.335.507.003)	(696.809.128)
261	Chi phí trả trước dài hạn	18.939.179.269	14.627.041.597	(4.312.137.672)

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sần Gòn
Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tổng hợp) giữa niên độ (tiếp theo)

B	Nguồn vốn	615.283.637.697	615.283.637.697	-
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.716.705.706	26.063.552.906	2.346.847.200
313	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.589.746.228	4.818.364.991	3.228.618.763
319	Phải trả ngắn hạn khác	589.911.884.288	506.155.313.279	(83.756.571.009)
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	65.301.475	78.246.406.521	78.181.105.046

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	119.247.616	128.711.232
1.2	Tiền gửi ngân hàng	949.771.162	316.796.250
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
	Cộng	1.069.018.778	445.507.482

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay.

Và tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ chi tiết như sau:

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Dollar Mỹ (USD)	3.325,37	76.612.625	3.325,37	76.612.625

2. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam	400.000.000	20.807.350	(379.192.650)	400.000.000	20.807.350	(379.192.650)
Cổ phiếu Công ty CP XNK Thủy Sản Năm Căn	820.000	820.000	-	820.000	820.000	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	4.446.420.000	1.410.615.000	(3.035.805.000)	4.446.420.000	2.066.715.000	(2.379.705.000)
Cộng	4.847.240.000	1.432.242.350	(3.414.997.650)	4.847.240.000	2.088.342.350	(2.758.897.650)

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Số đầu năm	(2.758.897.650)	(3.973.502.983)
Trích lập dự phòng	(656.100.000)	
Hoàn nhập dự phòng	-	898.857.000
Số cuối kỳ	(3.414.997.650)	(3.074.645.983)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Cam kết góp vốn

Công ty không có các cam kết vốn trong tương lai.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	10.162.015.299	13.053.051.534
Công ty TNHH TM - DV Mộc Đức	5.095.422.443	5.095.422.443
Công ty TNHH Olympus Capital Real Estate Management	3.076.909.091	3.450.909.091
Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm	999.683.765	-
Công ty CP PPT Land	990.000.000	990.000.000
Công ty CP Vina Đại Phước	-	3.516.720.000
Phải thu các khách hàng khác	46.059.949.329	51.273.305.020
Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong (*)	33.279.923.622	33.279.923.622
Al Gasr International For Import And Export	8.335.814.068 (#USD 395.437)	8.335.814.068 (#USD 395.437)
Công ty TNHH TM Bách Tùng	2.046.964.389 (#USD 96.079)	2.046.964.389 (#USD 96.079)
Các khách hàng khác	2.397.247.250 (#USD 31.137)	2.515.180.498 (#USD 31.137)
Cộng	56.221.964.628	59.230.934.111

(*) Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong đã bỏ trốn và Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc hàng hóa gửi kho bị niêm phong và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán. Công ty đã trích lập dự phòng 100% (Xem thuyết minh V.6-V.7).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	43.024.567.199	43.024.567.199
Công ty TNHH Hoàng Đạo	30.271.975.287	30.271.975.287
Cơ sở Kinh doanh Lê Thị Lệ Chiêu	4.690.491.475	4.690.491.475
Công ty TNHH TM DV ĐT XD Quang Trung Sài Gòn	3.364.597.272	3.364.597.272
Công ty TNHH TM DV Bắc Việt Chung	2.450.493.482 (#USD 16.126)	2.450.493.482 (#USD 62.654)
Các nhà cung cấp khác	5.611.606.955	5.611.606.955
Cộng	43.024.567.199	43.024.567.199

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	239.254.690.593	239.254.690.593
Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông ⁽¹⁾	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình ⁽²⁾	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty CP Thủ Thiêm Land ⁽³⁾	2.264.298.438	2.264.298.438
Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến ⁽³⁾	1.990.392.155	1.990.392.155
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	15.707.168.194	15.847.168.194
Nguyễn Văn Liêm ⁽³⁾	5.707.168.194	5.847.168.194
Công ty CP TM & Du lịch Sài Gòn ⁽³⁾	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	254.961.858.787	255.101.858.787

(1) Theo Hợp đồng vay tiền số 02/HĐV/SEA-SAICOM/2020 ngày 01 tháng 01 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2021 ngày 10 tháng 6 năm 2021, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/2021 ngày 31 tháng 12 năm 2021, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2022 ngày 26 tháng 5 năm 2022:

- + Số tiền cho vay: 200.000.000.000 VND
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- + Lãi suất cho vay: 3,30%/năm.

+ Tài sản bảo đảm: không có

⁽²⁾Theo Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/SEA-TMX/2020 ngày 01 tháng 01 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2021 ngày 09 tháng 12 năm 2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2021 ngày 24 tháng 3 năm 2021:

- + Bên vay: Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình
- + Số tiền cho vay: 35.967.138.802 VND
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- + Lãi suất cho vay: 0%/năm.
- + Dư nợ cho vay tại ngày 30/06/2022: 35.000.000.000 VND
- + Tài sản bảo đảm: không có

⁽³⁾ Là các khoản cho vay chưa có hợp đồng cho vay.

6. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	757.252.346.408	-	753.935.013.075	-
Phải thu hợp tác đầu tư	731.000.000.000	-	731.000.000.000	-
- Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến ⁽¹⁾	305.250.000.000	-	305.250.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư XD Bưu Chính Viễn Thông ⁽²⁾	225.837.800.000	-	225.837.800.000	-
- Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình ⁽³⁾	199.912.200.000	-	199.912.200.000	-
Phải thu lãi cho vay, đầu tư	26.014.616.522	-	22.697.283.189	-
- Công ty CP Đầu tư XD Bưu Chính Viễn Thông	15.033.423.690	-	11.716.090.357	-
- Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến	6.637.915.625	-	6.637.915.625	-
- Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	4.343.277.207	-	4.343.277.207	-
Phải thu khác	237.729.886	-	237.729.886	-
- Công ty CP Thủ Thiêm Land	184.891.736	-	184.891.736	-
- Công ty CP Everland	52.838.150	-	52.838.150	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.202.083.527	(6.490.423.490)	22.014.869.870	(6.540.423.490)
- Công ty CP Công nghiệp Toda	3.035.379.211	(3.035.379.211)	3.035.379.211	(3.035.379.211)
- Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong ⁽⁴⁾	2.288.788.920	(2.288.788.920)	2.288.788.920	(2.288.788.920)
- Phạm Nguyên Khôi ⁽⁵⁾	450.000.000	(450.000.000)	500.000.000	(500.000.000)

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	611.411.336	(273.627.621)	527.011.336	(273.627.621)
- Phải thu ký quỹ, ký cược ngắn hạn	463.740.000	(20.000.000)	463.740.000	(20.000.000)
Các đối tượng khác	1.352.764.060 (#USD 19.739)	(492.627.738) (#USD 19.739)	1.199.950.403 (#USD 19.739)	(492.627.738) (#USD 19.739)
Cộng	765.454.429.935	(6.490.423.490)	775.949.882.945	(6.540.423.490)

(1) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-3/HĐHT/SEA-NTC/2018 ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-3/PLHĐHT/SEA-SAIKOM/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018, Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại Dịch vụ cao tầng, tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành, Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cố định 30% lợi nhuận của Dự án.

(2) Theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 001-2/HĐHT/SEA-SAIKOM/2018 ngày 04 tháng 04 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-2/PLHĐHT/SEA-SAIKOM/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018 Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại Dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành Công ty CP Đầu tư XD Bưu chính Viễn thông có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cố định 23% lợi nhuận của Dự án.

(3) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-1/HĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 03 tháng 04 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-1/PLHĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018, Công ty thực hiện góp vốn đầu tư cho Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình (với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land), thông qua Công ty CP PPT Land tham gia triển khai tất cả các giai đoạn của Dự án Khu chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Theo phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên, kể từ ngày 01/07/2018 đến khi Dự án hoàn thành Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty với tỷ lệ cố định 20% lợi nhuận của Dự án.

(4) Là giá trị của 74,25 tấn hạt nhựa HDPE gửi tại kho Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong, bị niêm phong bởi các chủ nợ của công ty này. Hiện nay, Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong đã bỏ trốn và Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc trên và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán (xem thuyết minh V.3-V.7).

(5) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001-12.2014/HĐHTKD-SPS ngày 01 tháng 12 năm 2014, công ty góp vốn với số tiền 500.000.000 VND cho Ông Phạm Nguyên Khôi để kinh doanh Xuất nhập khẩu, đầu tư sinh lời với tỷ lệ % lợi nhuận cố định. Khoản đầu tư này đã hết hạn hợp đồng và công ty lập dự phòng 100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

7. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Các bên liên quan	6.270.314.178		6.985.422.442	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.085.422.442		6.085.422.442	-
+ Công ty TNHH TM - DV Mộc Đức	5.095.422.442	-	5.095.422.442	-
+ Công ty CP PPT Land	990.000.000	-	990.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác ⁽¹⁾	184.891.736	-	-	-
+ Công ty CP Thủ Thiêm Land ⁽¹⁾	184.891.736	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	101.857.055.010	-	102.091.946.747	-
Quá hạn trên 03 năm	101.857.055.010	-	102.091.946.747	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	45.997.553.329	-	45.997.553.329	-
+ Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong ⁽²⁾	33.279.923.622	-	33.279.923.622	-
+ AI Gasr International For Import And Export	8.335.814.068	-	8.335.814.068	-
+ Công ty TNHH TM Bách Tùng	2.046.964.389	-	2.046.964.389	-
+ Công ty TNHH MTV Đông Á Sài Gòn	957.600.000	-	957.600.000	-
+ Các khách hàng khác	1.377.251.250	-	1.377.251.250	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	39.553.969.927	-	39.553.969.927	-
+ Công ty TNHH Hoàng Đạo	30.271.975.287	-	30.271.975.287	-
+ Cơ sở KD Lê Thị Lệ Chiêu	4.690.491.475	-	4.690.491.475	-
+ Công ty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	2.790.428.508	-	2.790.428.508	-
+ Các nhà cung cấp khác	1.801.074.657	-	1.801.074.657	-
- Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
+ Công ty CP TM & Du lịch Sài Gòn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác ⁽¹⁾	6.305.531.754	-	6.640.423.491	-
Cộng	108.127.369.188	-	108.177.369.189	-

⁽¹⁾ Là các khoản dự phòng phải thu khó đòi của các khoản Phải thu ngắn hạn khác (Xem thuyết minh V.6).

⁽²⁾ Là khoản phải thu Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong (Xem thuyết minh V.3)